TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 14-01-2026
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hướng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giáp.

Bà Lê Thị Ánh Tuyết.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Công Trận – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2025/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 10 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 343/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 257/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16/12/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 18/3/1990. Địa chỉ: Ấp A, xã T, T Đồng Tháp. Căn cước công dân số: 0821900195; ngày cấp: 29/6/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. (vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Lâm Văn T, sinh ngày 12/02/1993. Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. Căn cước công dân số: 0940930056 (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 28/10/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M trình bày: Bà Nguyễn Thị Ngọc M và ông lâm Văn T tự nguyện kết hôn ngày 09/11/2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện T, T Tiền Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Vợ chồng không sống chung từ tháng 3/2021 đến nay. Trong thời gian chung sống vợ chồng không có con chung. Trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

Nay bà Nguyễn Thị Ngọc M yêu cầu như sau: Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc M yêu cầu ly hôn ông Lâm Văn T. Về con chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M có đơn đề nghị vắng mặt xét xử.

- *Bị đơn ông Lâm Văn T:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T về sự việc bà M yêu cầu giải quyết ly hôn và tranh chấp về nuôi con nhưng ông T không có ý kiến trình bày hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Không có, nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ, người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 28/10/2025, bà Nguyễn Thị Ngọc M khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Lâm Văn T cư trú tại ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ thụ lý giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về xét xử vắng mặt đối với đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Lâm Văn T vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hôn nhân nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc M và ông Lâm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện T, T Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 3/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến nên

cuộc sống không còn hạnh phúc và vợ chồng không còn sống chung từ tháng 3/2021 đến nay. Từ khi không sống chung đến nay vợ chồng không gặp nhau để bàn bạc hàn gắn tình cảm.

Xét thấy, vợ chồng không chủ động gặp để hàn gắn tình cảm, hiện nay hôn nhân của vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ. Vì vậy, bà M yêu cầu ly hôn ông T là có cơ sở và phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng không có con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc M không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do đó trong vụ án hôn nhân và gia đình nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy bà Nguyễn Thị Ngọc M chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình. Ông Lâm Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc M ly hôn ông Lâm Văn T.

2. Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc M và ông Lâm Văn T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007744 ngày 28/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, như vậy bà M đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm; ông Lâm Văn T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Ngọc M và ông Lâm Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 9 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- UBND xã T, T Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Chí Hướng